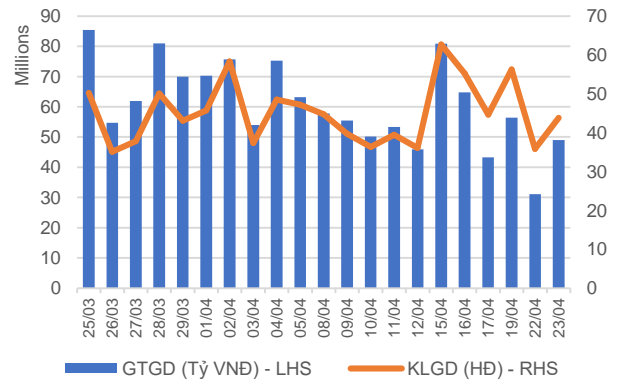
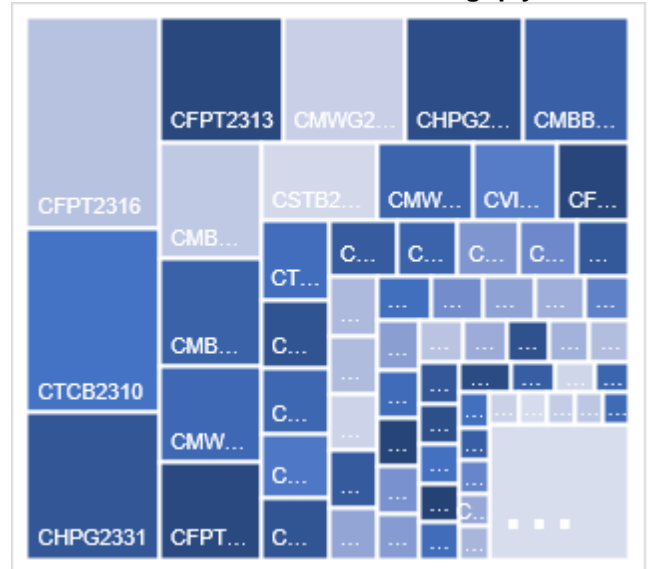


Sắc đỏ vẫn lấn át trên thị trường cơ sở lẫn trên thị trường chứng quyền, dù vậy đã giảm đã thu hẹp về cuối phiên. Thanh khoản của thị trường chứng quyền tăng mạnh so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG, FPT và MBB là những mã được giao dịch tích cực nhất. Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị NĐT chưa vội gia tăng tỷ trọng trở lại khi rủi ro ngắn hạn trên thị trường cơ sở vẫn ở mức cao.

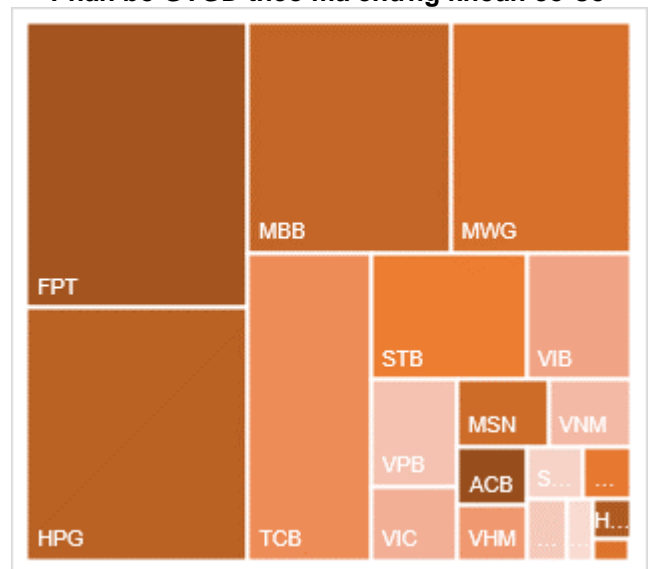
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bổ GTGD theo mã chứng quyền



Phân bổ GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	1.6%	1860	4,200	0.007	ITM	7.2%		155	49%
CACB2305	1.2%	760	279,900	0.227	ITM	7.2%		169	40%
CACB2306	2.9%	1710	353,200	0.632	ITM	1.8%		90	35%
CACB2307	1.8%	560	93,400	0.054	ITM	6.4%		120	38%
CACB2401	0.0%	1190	300	0	ITM	2.7%		57	31%
CFPT2309	6.5%	4210	12,400	0.047	ITM	0.9%	3.37	13	151%
CFPT2310	7.4%	3840	10,600	0.038	ITM	2.3%	3.61	104	48%
CFPT2313	4.2%	1820	1,022,500	1.792	ITM	5.3%	5.03	108	44%
CFPT2314	2.1%	2500	235,300	0.56	ITM	11.3%	3.45	261	46%
CFPT2316	2.1%	3120	170,300	0.503	ITM	0.8%	3.57	90	0%
CFPT2317	3.9%	1390	98,300	0.128	ITM	8.5%	4.11	212	40%
CFPT2318	-5.2%	2180	3,300	0.006	ITM	3.7%	5.51	83	43%
CHDB2306	5.4%	1060	33,000	0.038	ITM	3.7%	5.11	64	53%
CHPG2309	3.6%	1390	629,100	0.866	ITM	2.1%	6.21	31	60%
CHPG2315	0.0%	1500	200	0	OTM	22.4%	2.45	62	137%
CHPG2316	2.3%	800	116,100	0.098	OTM	16.3%	4.30	153	50%
CHPG2319	2.7%	330	139,700	0.053	OTM	13.9%	6.54	64	48%
CHPG2322	-5.7%	920	21,100	0.02	OTM	15.4%	5.39	85	51%
CHPG2326	3.7%	190	1,542,400	0.427	ITM	2.4%	19.84	13	38%
CHPG2328	-5.6%	230	17,800	0.005	OTM	4.9%	18.20	13	44%
CHPG2329	4.3%	920	239,800	0.239	OTM	11.7%	6.85	104	39%
CHPG2331	1.7%	560	1,878,000	1.139	OTM	13.6%	4.60	169	44%
CHPG2332	3.3%	570	1,037,300	0.628	OTM	15.7%	4.38	202	43%
CHPG2333	-3.1%	570	549,000	0.345	OTM	17.5%	4.25	230	42%
CHPG2334	3.9%	500	427,500	0.225	OTM	21.4%	3.55	261	47%
CHPG2336	-11.5%	130	105,500	0.023	OTM	3.7%	20.44	13	42%
CHPG2337	8.3%	420	71,600	0.035	OTM	13.6%	6.03	73	49%
CHPG2338	-3.4%	790	80,000	0.066	OTM	20.1%	3.84	167	53%
CHPG2339	2.1%	2750	200	0	OTM	29.4%	2.40	258	67%
CHPG2341	7.0%	670	21,200	0.016	OTM	13.6%	7.49	90	40%
CHPG2342	1.3%	730	695,100	0.528	ITM	13.4%	2.96	212	64%
CHPG2343	-2.9%	650	134,700	0.091	OTM	8.5%	7.10	52	50%
CHPG2401	-25.0%	180	1,600	0	OTM	14.3%	11.55	57	37%
CMBB2306	0.0%	2990	162,700	0.585	ITM	0.2%	4.33	31	0%
CMBB2309	-7.1%	720	475,300	0.442	ITM	-0.5%	7.62	13	0%
CMBB2311	-1.1%	1500	22,100	0.041	ITM	0.0%	7.31	13	0%
CMBB2312	-11.2%	1730	114,300	0.236	ITM	4.4%	5.14	104	40%
CMBB2314	5.0%	850	773,700	0.797	ITM	6.4%	4.94	108	46%
CMBB2315	0.0%	1200	653,900	0.878	ITM	12.7%	3.35	261	48%
CMBB2316	6.0%	460	119,000	0.06	ITM	2.7%	4.78	13	158%
CMBB2317	5.5%	630	685,500	0.512	ITM	5.2%	5.29	120	37%
CMBB2318	1.4%	1440	36,900	0.054	ITM	8.0%	3.36	153	62%
CMBB2401	-10.9%	1500	24,700	0.042	ITM	4.5%	5.94	57	53%
CMSN2302	2.9%	840	44,800	0.047	OTM	9.8%	5.85	31	76%
CMSN2307	-3.7%	250	5,500	0	OTM	32.1%	1.45	64	72%
CMSN2311	0.0%	290	41,800	0.014	OTM	40.4%	1.76	104	62%
CMSN2313	6.8%	750	61,400	0.046	OTM	35.2%	2.14	169	69%
CMSN2315	-57.1%	10	549,300	0.005	OTM	26.9%	0.01	13	79%
CMSN2316	-5.6%	430	6,900	0.003	OTM	36.4%	2.77	167	56%
CMSN2317	2.1%	940	444,500	0.438	OTM	45.9%	1.97	258	63%
CMWG2305	4.1%	3300	94,800	0.314	ITM	-2.1%	3.81	31	0%
CMWG2309	-42.9%	70	536,400	0.024	OTM	9.1%	14.87	13	48%
CMWG2310	0.0%	830	163,900	0.111	OTM	17.8%	4.63	104	55%
CMWG2312	-50.0%	10	413,700	0.004	OTM	12.5%		2	
CMWG2313	5.1%	930	12,400	0.01	OTM	11.6%	5.00	108	50%
CMWG2314	9.3%	820	1,570,300	1.244	OTM	20.9%	3.36	261	50%
CMWG2315	-9.1%	140	11,200	0.001	ITM	3.8%	11.43	13	74%

CMWG2316	5.4%	1030	117,000	0.116	ITM	8.8%	5.15	122	43%
CMWG2318	2.9%	1590	516,300	0.731	ITM	3.5%	4.51	90	47%
CNVL2305	-5.1%	820	3,700	0.003	OTM	39.9%	0.04	64	173%
CPDR2305	5.4%	1920	37,500	0.075	ITM	10.3%		64	125%
CPOW2306	50.0%	50	60,300	0.003	OTM	54.1%		64	67%
CPOW2309	0.0%	20	76,400	0.001	OTM	39.1%		24	77%
CPOW2313	0.0%	170	35,000	0.006	OTM	26.6%		73	56%
CPOW2314	-4.3%	420	330,500	0.145	OTM	33.5%		167	58%
CPOW2315	-1.4%	610	296,500	0.191	OTM	40.4%		258	59%
CSHB2302	-15.4%	50	68,900	0.006	OTM	10.5%		13	61%
CSHB2303	4.2%	400	175,400	0.087	OTM	20.0%		72	67%
CSHB2304	0.0%	300	62,600	0.016	OTM	20.2%		73	91%
CSHB2305	-7.9%	340	27,400	0.009	OTM	30.2%		167	75%
CSHB2306	-1.7%	1050	65,200	0.073	OTM	35.9%		258	72%
CSTB2306	10.0%	320	574,600	0.204	OTM	10.2%	12.17	31	45%
CSTB2312	33.3%	160	1,000	0	OTM	22.8%	5.55	62	54%
CSTB2313	20.0%	290	594,500	0.152	OTM	33.1%	4.35	153	51%
CSTB2316	0.0%	140	53,500	0.005	OTM	33.2%	2.72	64	64%
CSTB2318	16.7%	70	192,800	0.012	OTM	16.1%	8.79	24	53%
CSTB2322	66.7%	40	3,443,500	0.161	OTM	8.5%	23.79	13	43%
CSTB2324	200.0%	20	15,200	0	OTM	11.8%	19.49	13	46%
CSTB2325	-3.2%	630	7,500	0.004	OTM	22.4%	3.71	104	64%
CSTB2326	-50.0%	10	2,900	0	OTM	18.8%		2	
CSTB2327	16.7%	350	49,400	0.016	OTM	22.7%	4.20	108	58%
CSTB2328	0.0%	500	271,000	0.137	OTM	33.1%	2.83	261	59%
CSTB2330	0.0%	10	1,898,300	0.018	OTM	22.4%	0.57	13	68%
CSTB2331	7.1%	130	3,100	0	OTM	28.2%	5.27	73	52%
CSTB2332	0.0%	310	991,000	0.824	OTM	34.7%	4.16	167	51%
CSTB2333	4.8%	1490	116,300	0.165	OTM	40.6%	2.84	258	57%
CSTB2334	1.6%	1280	163,200	0.219	ITM	10.9%	4.51	122	51%
CSTB2336	12.5%	70	649,500	0.045	OTM	12.8%	13.05	28	46%
CSTB2337	4.1%	1000	42,500	0.043	ITM	22.3%	2.52	212	77%
CSTB2338	5.0%	450	1,669,300	0.749	OTM	9.2%	8.95	52	43%
CSTB2401	-21.7%	180	20,000	0.003	OTM	13.5%	14.57	57	35%
CTCB2302	7.3%	6320	105,400	0.638	ITM	-0.5%	2.44	31	0%
CTCB2306	5.1%	3650	66,200	0.221	ITM	0.9%	3.16	13	158%
CTCB2307	19.0%	3470	100,900	0.321	ITM	3.6%	3.21	104	64%
CTCB2309	8.1%	4190	4,100	0.016	ITM	3.0%	3.39	155	40%
CTCB2310	7.4%	1630	339,700	0.531	ITM	4.0%	3.24	169	45%
CTCB2312	10.0%	4640	19,800	0.086	ITM	0.7%	3.28	83	0%
CTCB2401	13.2%	6190	1,800	0.01	ITM	0.4%	3.70	57	0%
CTPB2304	-42.9%	30	598,700	0.019	OTM	10.2%		13	55%
CTPB2305	29.2%	280	700,600	0.181	OTM	18.6%		73	60%
CTPB2306	18.2%	1080	87,900	0.09	OTM	27.8%		167	65%
CTPB2401	18.1%	790	8,700	0.007	OTM	16.4%		57	76%
CVHM2302	-6.3%	130	151,700	0.023	OTM	25.7%	0.94	31	66%
CVHM2307	0.0%	40	12,400	0.001	OTM	56.7%	0.11	64	66%
CVHM2311	5.0%	200	4,200	0	OTM	53.0%	0.58	104	65%
CVHM2312	100.0%	10	1,441,000	0.014	OTM	39.4%	0.00	13	96%
CVHM2313	0.0%	290	269,800	0.082	OTM	31.6%	3.09	169	53%
CVHM2315	-33.3%	20	386,600	0.003	OTM	27.0%	0.00	13	94%
CVHM2316	-5.9%	140	414,600	0.07	OTM	30.2%	2.29	73	58%
CVHM2317	0.0%	350	779,300	0.298	OTM	37.2%	2.33	167	58%
CVHM2318	-3.2%	910	12,400	0.012	OTM	44.3%	1.95	258	61%
CVHM2401	-2.6%	510	42,600	0.03	OTM	12.0%	6.78	57	49%
CVIB2302	0.5%	2140	900	0.001	ITM	5.1%		31	90%
CVIB2304	2.2%	850	479,100	0.433	ITM	8.3%		108	53%
CVIB2305	1.6%	600	106,500	0.068	OTM	18.5%		261	48%
CVIB2306	0.0%	3200	2,000	0.006	ITM	8.3%		122	79%
CVIB2307	1.0%	950	41,900	0.042	ATM	18.1%		120	77%
CVIB2401	0.9%	850	50,500	0.055	ITM	5.1%		57	39%
CVIC2306	4.0%	240	4,500	0.001	OTM	56.4%	0.02	64	104%

CVIC2308	-12.0%	180	1,389,800	0.297	OTM	26.3%	3.48	108	50%
CVIC2309	-6.3%	230	287,300	0.084	OTM	32.4%	3.16	169	49%
CVIC2312	-11.8%	110	70,000	0.009	OTM	30.4%	1.82	73	57%
CVIC2313	-7.9%	310	877,600	0.296	OTM	37.9%	1.88	167	60%
CVIC2314	-6.3%	1060	150,500	0.175	OTM	46.0%	1.53	258	66%
CVNM2306	7.7%	230	354,700	0.099	OTM	16.4%	5.62	64	46%
CVNM2308	-10.0%	50	196,100	0.017	OTM	7.1%	17.70	13	39%
CVNM2310	-3.8%	230	24,100	0.005	OTM	27.0%	3.52	108	47%
CVNM2311	-4.0%	420	976,500	0.476	OTM	29.9%	4.34	261	38%
CVNM2313	0.0%	20	4,000	0	OTM	29.9%	0.00	13	96%
CVNM2314	0.0%	380	290,000	0.121	OTM	38.8%	2.17	167	51%
CVNM2315	-6.8%	1500	1,000	0.001	OTM	92633.2%	0.00	258	500%
CVPB2309	0.0%	10	1,240,800	0.012	OTM	16.8%	7.25	13	56%
CVPB2311	7.7%	100	20,600	0.002	OTM	7.2%	19.94	13	47%
CVPB2312	15.1%	570	202,200	0.117	OTM	14.7%	7.05	104	42%
CVPB2314	12.5%	160	473,800	0.08	OTM	27.6%	6.44	108	47%
CVPB2315	0.0%	240	289,900	0.076	OTM	34.4%	4.60	261	44%
CVPB2316	-50.0%	10	885,200	0.009	OTM	21.8%	0.66	13	74%
CVPB2317	18.2%	120	203,100	0.026	OTM	26.8%	5.99	73	52%
CVPB2318	29.0%	300	310,900	0.097	OTM	33.5%	4.16	167	52%
CVPB2319	1.6%	1210	84,100	0.103	OTM	42.7%	2.50	258	63%
CVPB2321	4.5%	430	56,200	0.025	ITM	14.2%	3.73	120	65%
CVPB2322	-3.8%	500	93,400	0.048	OTM	19.6%	4.22	153	53%
CVRE2303	11.1%	170	382,900	0.076	OTM	16.5%	5.84	31	60%
CVRE2308	20.0%	360	14,600	0	OTM	51.3%	0.24	64	120%
CVRE2312	-16.7%	10	2,600	0	OTM	25.8%	0.16	13	75%
CVRE2313	8.0%	260	100,900	0.028	OTM	39.5%	2.17	104	67%
CVRE2315	4.8%	200	175,700	0.039	OTM	44.3%	2.31	169	64%
CVRE2317	0.0%	10	485,400	0.009	OTM	37.2%	0.00	13	102%
CVRE2318	0.0%	150	82,700	0.013	OTM	44.3%	1.17	73	72%
CVRE2319	64.7%	220	558,100	0.115	OTM	49.1%	2.89	167	55%
CVRE2320	12.4%	920	137,500	0.13	OTM	56.0%	2.15	258	60%
CVRE2322	10.6%	820	126,100	0.119	OTM	20.8%	3.33	90	75%
CVRE2323	8.3%	300	103,700	0.047	OTM	17.4%	5.65	52	58%
CACB2304	1.6%	1860	4,200	0.007	ITM	7.2%		155	49%
CACB2305	1.2%	760	279,900	0.227	ITM	7.2%		169	40%
CACB2306	2.9%	1710	353,200	0.632	ITM	1.8%		90	35%
CACB2307	1.8%	560	93,400	0.054	ITM	6.4%		120	38%
CACB2401	0.0%	1190	300	0	ITM	2.7%		57	31%
CFPT2309	6.5%	4210	12,400	0.047	ITM	0.9%	3.37	13	151%
CFPT2310	7.4%	3840	10,600	0.038	ITM	2.3%	3.61	104	48%
CFPT2313	4.2%	1820	1,022,500	1.792	ITM	5.3%	5.03	108	44%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
 Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

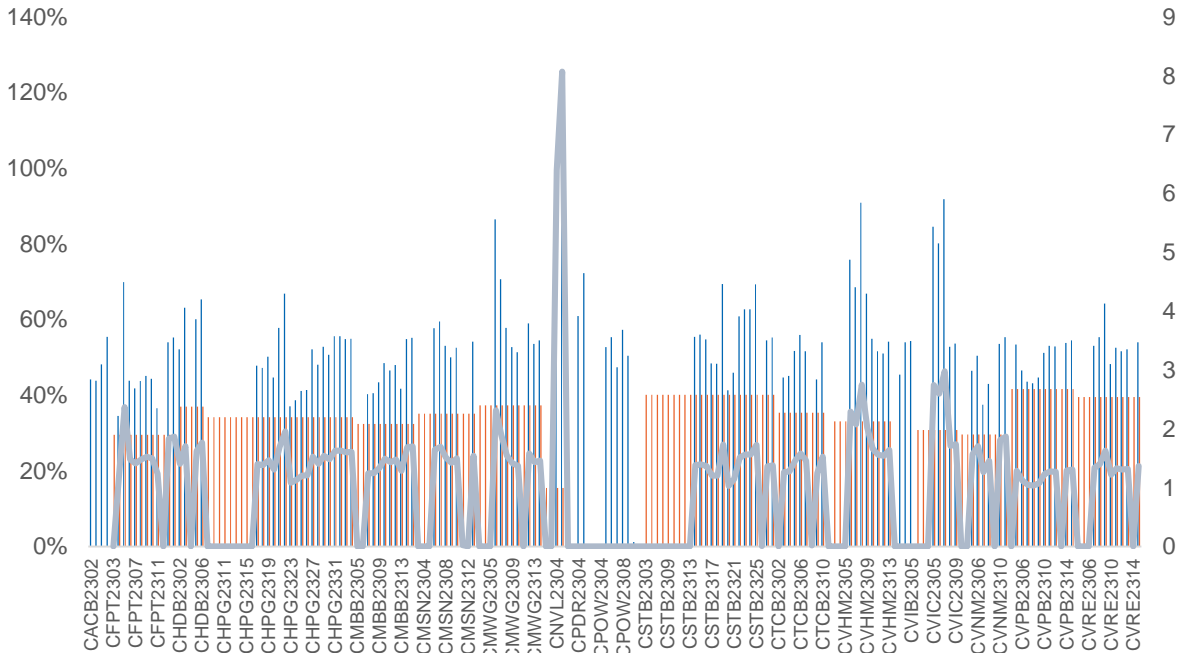


BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		62.90	GIẢM	GIẢM			66.75	-
DPM		31.30	GIẢM	GIẢM			33.46	-
FPT		112.30	GIẢM	TĂNG			114.37	-
HDB		22.20	GIẢM	TĂNG		-100%	23.39	-
HPG		27.60	GIẢM	GIẢM			29.03	-
MBB		22.00	GIẢM	GIẢM			23.77	-
MSN		64.70	GIẢM	GIẢM			70.31	-
MWG		49.80	GIẢM	TĂNG		-100%	52.03	-
NVL		14.50	GIẢM	GIẢM			16.00	-
PNJ		92.50	GIẢM	TĂNG			97.29	-
REE		58.40	GIẢM	TĂNG			61.22	-
STB		27.80	GIẢM	GIẢM			28.73	-
TCB		46.20	GIẢM	TĂNG			46.80	-
VHM		40.20	GIẢM	GIẢM			43.04	-
VIC		41.00	GIẢM	GIẢM			44.39	-
VJC	107.00	102.80	TĂNG	TĂNG	116.08	13%	101.66	1.70
VNM		63.50	GIẢM	GIẢM			65.81	-
VPB		18.40	GIẢM	GIẢM			19.30	-
VRE		21.90	GIẢM	GIẢM			23.17	-

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024
CHPG2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CMBB2306	ACBS	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMBB2401	VCI	n.a	2	1,060	n.a	20,000	17/06/2024
CMSN2302	ACBS	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	ACBS	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024

CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	ACBS	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024
CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	ACBS	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	ACBS	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	CK VPBank	n.a	3	2,100	n.a	29,000	12/06/2024
CSTB2401	VCI	n.a	3	1,150	n.a	31,000	17/06/2024
CTCB2302	ACBS	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024
CTCB2312	CK VPBank	n.a	3	2,500	n.a	32,600	11/07/2024
CTCB2401	VCI	n.a	2	1,800	n.a	34,000	17/06/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CTPB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	18,500	17/06/2024
CVHM2302	ACBS	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVHM2401	VCI	n.a	4	1,100	n.a	43,000	17/06/2024
CVIB2302	ACBS	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	ACBS	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024

CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIB2401	VCI	n.a	1.9439	1,150	n.a	20,411	17/06/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024
CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.4907	1,300	2,000,000	71,707	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.8398	1,800	5,000,000	67,619	03/05/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.7998	1,700	14,000,000	78,398	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.7998	2,200	12,000,000	78,398	07/01/2025
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.7998	1,100	3,000,000	82,298	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.8398	1,600	3,000,000	85,148	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	39199	4,400	3,000,000	87,108	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.7998	1,700	3,000,000	63,698	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	ACBS	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2312	HCM	9 tháng	4	1,600	5,000,000	27,500	03/05/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CACB2401	VCI	n.a	2	1,000	n.a	25,000	17/06/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	CK VPBank	n.a	8	2,800	n.a	99,000	11/07/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	ACBS	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024

CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	CK VPBank	n.a	3	2,300	n.a	28,000	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.